

Số: 18/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Sau đây gọi là Thông tư số 119/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8, bổ sung khoản 10a, khoản 10b vào sau khoản 10 Điều 2 như sau:

“8. *Khu vực thị trường* là các khu vực tách biệt trên hệ thống bù trừ, thanh toán, được thiết lập cho các chứng khoán có cùng chu kỳ, phương thức thanh toán, cơ chế quản lý rủi ro, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán tham gia vào hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

10a. *Thông tin nhận diện người sở hữu chứng khoán, nhà đầu tư* là thông tin được xác định trên cơ sở số đăng ký sở hữu, ngày cấp số đăng ký sở hữu và loại hình của nhà đầu tư khi thành viên lưu ký, tổ chức phát hành, công ty đại chúng đăng ký thông tin nhà đầu tư trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số đăng ký sở hữu được quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

10b. *Thông tin về người sở hữu chứng khoán* là các thông tin bao gồm tên đầy đủ, thông tin nhận diện, thông tin liên lạc của người sở hữu chứng khoán, mã chứng khoán, số lượng chứng khoán, loại chứng khoán sở hữu và tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có).”.

2. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc gửi và nhận hồ sơ, tài liệu dưới dạng chứng từ điện tử đối với các hoạt động nghiệp vụ giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, tổ chức phát hành, công ty đại chúng được thực hiện theo các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Chứng từ điện tử sử dụng trong các hoạt động nghiệp vụ được quy định tại các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có giá trị pháp lý như chứng từ được lập bằng bản giấy.

2. Khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Luật Chứng khoán, Thông tư này, pháp luật có liên quan và quy chế hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ nhận từ khách hàng, thực hiện hoạt động nghiệp vụ chính xác, đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và lưu trữ hồ sơ, chứng từ của khách hàng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm m, bổ sung điểm q2 vào sau điểm q1 khoản 2 Điều 6 như sau:

“m) Chuyển quyền sở hữu chứng khoán là tài sản bảo đảm, quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm này (nếu có) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 40g, Điều 40l Thông tư này;

q2) Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, quyền phát sinh từ sổ cổ phiếu này (nếu có) từ tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh sang tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40k Thông tư này.”.

4. Bổ sung điểm l vào sau điểm k khoản 1 Điều 7 như sau:

“l) Tổ chức phát hành chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trước thời gian đáo hạn.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Người sở hữu chứng khoán đã lưu ký nhận quyền, lợi ích được phân bổ thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký nơi người sở hữu chứng khoán mở tài khoản lưu ký chứng khoán ngoại trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác và nhận phần lẻ cổ phần phát sinh (nếu có) tại tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoặc tổ chức được tổ chức phát hành, công ty đại chúng ủy quyền. Người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký nhận quyền, lợi ích được phân bổ tại tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoặc tổ chức được tổ chức phát hành, công ty đại chúng ủy quyền.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Nguyên tắc lưu ký chứng khoán

1. Hoạt động lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm: mở và quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán, ký gửi chứng khoán, rút chứng khoán, chuyển khoản chứng khoán lưu ký ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán, phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.

2. Thành viên lưu ký thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều này cho khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo nguyên tắc: khách hàng thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký và thành viên lưu ký thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán cho khách hàng tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Khách hàng ký hợp đồng mở tài khoản lưu ký chứng khoán với thành viên lưu ký để thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán. Sau khi mở tài khoản lưu ký theo quy định, khách hàng gửi hồ sơ yêu cầu thực hiện hoạt động lưu ký

chứng khoán đến thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin về người sở hữu chứng khoán, tính phù hợp của yêu cầu thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán của khách hàng với quy định tại Thông tư này trước khi gửi hồ sơ đề nghị thực hiện các hoạt động lưu ký chứng khoán đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán theo đề nghị của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp sau khi thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán sau khi thông tin về người sở hữu chứng khoán trong hồ sơ do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, tổ chức phát hành, công ty đại chúng cung cấp trùng khớp với các thông tin trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

7. Bổ sung khoản 10a sau khoản 10 Điều 14 như sau:

“10a. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được mở tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên mình để xử lý chứng khoán ký quỹ bù trừ, chứng khoán là tài sản bảo đảm cho các khoản tiền mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã sử dụng để hỗ trợ, đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện ký gửi chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán theo đề nghị của tổ chức phát hành, công ty đại chúng (đại diện cho người sở hữu chứng khoán) và thành viên lưu ký nơi người sở hữu chứng khoán mở tài khoản lưu ký chứng khoán.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Việc rút chứng khoán do huỷ đăng ký chứng khoán hoặc điều chỉnh giảm số lượng chứng khoán đăng ký được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự động hạch toán giảm số lượng chứng khoán lưu ký trên tài khoản lưu ký chứng khoán của thành viên lưu ký sau khi hoàn tất việc huỷ đăng ký chứng khoán hoặc điều chỉnh giảm số lượng chứng khoán đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.”.

10. Bổ sung Chương IVa vào sau Chương IV như sau:

“Chương IVa**HOẠT ĐỘNG BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI CƠ CHẾ ĐỐI TÁC BÙ TRỪ TRUNG TÂM****Điều 40a. Tổ chức hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán**

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ đa phương cho các giao dịch chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán căn cứ vào kết quả giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán cung cấp.

2. Việc bù trừ chứng khoán được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký, khách hàng của thành viên lưu ký, việc bù trừ được thực hiện theo từng mã chứng khoán có cùng ngày thanh toán và tách biệt theo loại tài khoản môi giới cho nhà đầu tư trong nước, tài khoản môi giới cho nhà đầu tư nước ngoài và tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký;

b) Đối với giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, việc bù trừ được thực hiện trên tài khoản lưu ký chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

3. Thành viên lưu ký có trách nhiệm phong tỏa số chứng khoán chờ thanh toán trên tài khoản lưu ký của mình, khách hàng của mình để đảm bảo thanh toán cho các giao dịch bán chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

4. Ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40h Thông tư này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ tiền theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký, khách hàng của thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ tiền cho từng thành viên lưu ký trên cơ sở bù trừ chung giữa số tiền được nhận và số tiền phải trả cho các giao dịch có cùng ngày giao dịch, cùng ngày thanh toán và tách biệt theo nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và chính thành viên lưu ký;

b) Đối với giao dịch chứng khoán của tổ chức mở tài khoản trực tiếp, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bù trừ tiền trên cơ sở bù trừ chung giữa số tiền được nhận và số tiền phải trả cho các giao dịch chứng khoán có cùng ngày giao dịch, cùng ngày thanh toán.

5. Việc thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Chứng khoán.

6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế hướng dẫn phương thức, thời gian, trình tự, thủ tục bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 40b. Thanh toán giao dịch của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp

1. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngân hàng thanh toán để thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán đã được xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

2. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký và đặt lệnh giao dịch qua công ty chứng khoán, việc thanh toán giao dịch chứng khoán do ngân hàng lưu ký thực hiện.

3. Thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản có trách nhiệm phân bổ tiền và chứng khoán đến tài khoản của nhà đầu tư ngay sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất thanh toán chứng khoán và ngân hàng thanh toán hoàn tất thanh toán tiền.

Điều 40c. Đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo danh sách giao dịch (sau khi loại bỏ các giao dịch thuộc trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 40i Thông tư này), giao dịch có thông tin tài khoản chưa đăng ký khu vực thị trường, giao dịch bán thiếu chứng khoán và nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán tạm tính cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

2. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch giữa thông tin lệnh giao dịch được lưu giữ tại thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp với thông báo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin giao dịch sai, đề nghị sửa lỗi, xử lý lỗi, loại bỏ thanh toán (nếu có), chuẩn bị tiền phong tỏa theo quy định tại các Điều 40d, 40đ, 40e, 40i Thông tư này và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 40d. Xác nhận khả năng thanh toán tiền và phong tỏa tiền đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Xác nhận khả năng thanh toán tiền giao dịch chứng khoán

a) Đối với giao dịch chứng khoán (không bao gồm giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức): thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp là bên phải trả tiền thực hiện xác nhận với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc có đủ tiền hoặc không có đủ tiền để thanh toán cho nghĩa vụ phải trả của chính mình, khách hàng của mình (nếu có);

b) Đối với giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức: thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán xác nhận với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc có đủ tiền hoặc không có đủ tiền để thanh toán cho nghĩa vụ phải trả của nhà đầu tư.

2. Trường hợp xác nhận có đủ tiền thanh toán:

a) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi của mình tại ngân hàng thanh toán để ngân hàng thanh toán phong tỏa, đảm bảo thanh toán cho giao dịch chứng khoán của chính mình theo nghĩa vụ thanh toán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo;

b) Thành viên lưu ký phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán (đối với công ty chứng khoán), trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng lưu ký (đối với ngân hàng lưu ký) để ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký phong tỏa, đảm bảo thanh toán cho giao dịch chứng khoán của chính mình, khách hàng của mình (tách biệt khách hàng trong nước và nước ngoài) theo nghĩa vụ thanh toán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo.

3. Trường hợp xác nhận không có đủ tiền thanh toán:

a) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp, công ty chứng khoán đề nghị ngân hàng thanh toán phong tỏa số tiền mua chứng khoán đã có, thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam loại bỏ thanh toán giao dịch này ngoại trừ giao dịch không bị loại bỏ quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Ngân hàng lưu ký phong tỏa số tiền mua chứng khoán đã có, đồng thời xác định giao dịch thiếu tiền để thanh toán và thực hiện:

- Đối với giao dịch thiếu tiền của ngân hàng lưu ký, khách hàng trong nước, khách hàng nước ngoài không phải nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh, ngân hàng lưu ký thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam loại bỏ thanh toán các giao dịch này.

- Đối với giao dịch thiếu tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh, ngân hàng lưu ký thông báo thông tin giao dịch thiếu tiền cho công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để công ty chứng khoán yêu cầu ngân hàng thanh toán phong tỏa tiền đảm bảo thanh toán cho các giao dịch này.

c) Trường hợp thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền để thanh toán theo quy định tại các điểm a, b khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự xác định các giao dịch mua chứng khoán để loại bỏ thanh toán theo nguyên tắc quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Đối với giao dịch thiếu tiền quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này là giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức:

a) Trường hợp tổng các giá trị giao dịch thiếu tiền này tại công ty chứng khoán không vượt quá hiệu số giữa số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán và số tiền đã sử dụng quỹ chưa hoàn trả của công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không loại bỏ thanh toán các giao dịch này. Công ty chứng khoán có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ tiền cho các giao dịch vào ngày thanh toán;

b) Trường hợp tổng giá trị các giao dịch thiếu tiền tại công ty chứng khoán vượt quá hiệu số giữa số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán và số tiền đã sử dụng quỹ chưa hoàn trả của công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam yêu cầu công ty chứng khoán cung cấp thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền tương ứng với số tiền vượt quá và thực hiện loại bỏ thanh toán giao dịch theo nguyên tắc tổng giá trị các giao dịch thiếu tiền còn lại không bị loại bỏ của nhà đầu tư tại các công ty chứng khoán trong cùng ngày không vượt quá 50 tỷ đồng; công ty chứng khoán gửi thông báo thông tin giao dịch thiếu tiền trước được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xử lý trước. Trường hợp một công ty chứng khoán có nhiều hơn một giao dịch mua cổ phiếu thiếu tiền, giao dịch bị loại bỏ là giao dịch được xác lập sau. Công ty chứng khoán có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ tiền cho các giao dịch không bị loại bỏ vào ngày thanh toán.

c) Trường hợp công ty chứng khoán không cung cấp hoặc cung cấp thông tin chi tiết giao dịch thiếu tiền theo quy định tại điểm b khoản này không đúng thời hạn quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự xác định giao dịch thiếu tiền để loại bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc loại bỏ thanh toán giao dịch theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều này, việc

phong tỏa tiền để đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán theo nghĩa vụ thanh toán đã được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định lại được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký có trách nhiệm phong tỏa và gửi thông báo xác nhận đã phong tỏa tiền để đảm bảo thanh toán giao dịch chứng khoán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp có sai sót trong việc xác nhận phong tỏa, ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký chịu trách nhiệm thanh toán thay cho công ty chứng khoán, nhà đầu tư và chịu các chi phí phát sinh (nếu có).

7. Sau khi hoàn tất thanh toán giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán được đề nghị ngân hàng thanh toán giải tỏa số tiền đã phong tỏa để đảm bảo thanh toán cho nghĩa vụ thanh toán nhưng không sử dụng.

8. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp, công ty chứng khoán phải ký thỏa thuận với ngân hàng thanh toán để phong tỏa, xác nhận phong tỏa, giải tỏa tiền theo quy định tại các khoản 2, 3, 7 Điều này.

9. Ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký đã thực hiện phong tỏa và xác nhận phong tỏa tiền theo quy định tại Điều này chỉ được sử dụng số tiền đã phong tỏa cho mục đích thanh toán giao dịch chứng khoán theo thông báo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 40đ. Sửa lỗi sau giao dịch

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi sau giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán thực hiện không chính xác yêu cầu đặt lệnh của nhà đầu tư về các thông tin sau: số tài khoản, mã chứng khoán, số lượng chứng khoán, mức giá đặt lệnh, số lượng lệnh, loại lệnh mua bán;

b) Công ty chứng khoán đặt lệnh giao dịch cho nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký khi chưa có xác nhận của ngân hàng lưu ký về số dư tiền, chứng khoán của nhà đầu tư hoặc đặt lệnh sai so với thông tin xác nhận của ngân hàng lưu ký;

c) Ngân hàng lưu ký xác nhận với công ty chứng khoán không chính xác thông tin về số dư tiền, chứng khoán của nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký dẫn đến nhà đầu tư không có đủ tiền, chứng khoán để thanh toán giao dịch chứng khoán;

d) Tài khoản của nhà đầu tư bị thiếu chứng khoán tại thời điểm Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển chứng khoán từ tài khoản chứng khoán giao dịch sang tài khoản chứng khoán chờ thanh toán của nhà đầu tư để chuẩn bị thanh toán giao dịch chứng khoán;

đ) Giao dịch của nhà đầu tư có thông tin tài khoản lưu ký chưa được đăng ký khu vực thị trường theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Nguyên tắc sửa lỗi sau giao dịch:

Ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện sửa lỗi sau giao dịch thông qua việc điều chỉnh lệnh giao dịch lỗi thành lệnh giao dịch tự doanh của thành viên lưu ký theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện theo yêu cầu của thành viên lưu ký đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này;

b) Thực hiện khi ngân hàng lưu ký từ chối xác nhận thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thực hiện mà không cần có yêu cầu của thành viên lưu ký đối với trường hợp quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều này.

3. Thành viên lưu ký là ngân hàng lưu ký được thực hiện sửa lỗi thông qua tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán mà ngân hàng lưu ký đã có thỏa thuận sửa lỗi với công ty chứng khoán đó.

4. Trường hợp thành viên lưu ký không có nghiệp vụ tự doanh phát sinh sửa lỗi sau giao dịch, thành viên lưu ký được mở tài khoản lưu ký đứng tên mình để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hạch toán tạm thời số lượng chứng khoán mà thành viên lưu ký được nhận hoặc phải trả từ việc sửa lỗi sau giao dịch vào tài khoản lưu ký chứng khoán đó. Sau khi nhận được chứng khoán về từ việc sửa lỗi sau giao dịch, thành viên lưu ký có trách nhiệm bán ngay số chứng khoán này tại phiên giao dịch gần nhất.

5. Trách nhiệm của các bên liên quan trong việc sửa lỗi sau giao dịch:

a) Các bên liên quan đến giao dịch phải chịu trách nhiệm đối với lỗi do mình gây ra trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

b) Trường hợp lỗi của công ty chứng khoán dẫn đến việc khách hàng của ngân hàng lưu ký thiếu chứng khoán hoặc thiếu tiền để thanh toán, ngân hàng lưu ký được phép đơn phương từ chối thanh toán giao dịch, công ty chứng khoán liên quan phải chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch lỗi;

c) Trường hợp lỗi của ngân hàng lưu ký dẫn đến nhà đầu tư không có đủ tiền, chứng khoán để thanh toán giao dịch chứng khoán, ngân hàng lưu ký liên quan phải chịu trách nhiệm thanh toán giao dịch lỗi.

6. Thành viên lưu ký do sửa lỗi sau giao dịch dẫn tới mất khả năng thanh toán được áp dụng các cơ chế hỗ trợ theo quy định tại Điều 40g Thông tư này.

Điều 40e. Xử lý lỗi giao dịch tự doanh của công ty chứng khoán

1. Trường hợp công ty chứng khoán nhập sai số hiệu tài khoản tự doanh vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện điều chỉnh về đúng số hiệu tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán để thực hiện thanh toán giao dịch.

2. Trường hợp công ty chứng khoán nhập sai lệnh dẫn tới thiếu chứng khoán để thanh toán hoặc thành viên lập quỹ ETF bị thiếu chứng khoán hoặc chứng chỉ quỹ ETF để thanh toán do giao dịch hoán đổi không thành công theo quy định về quản lý quỹ hoán đổi danh mục được áp dụng các cơ chế hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 40g Thông tư này.

Điều 40g. Các biện pháp khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán

1. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền giao dịch chứng khoán được áp dụng các cơ chế hỗ trợ thanh toán sau:

- a) Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Điều 40l Thông tư này;
- b) Sử dụng tiền vay từ ngân hàng thanh toán.

2. Trường hợp thành viên lưu ký sử dụng tiền vay từ ngân hàng thanh toán, thành viên lưu ký và ngân hàng thanh toán được thỏa thuận sử dụng số chứng khoán trên tài khoản lưu ký của thành viên lưu ký để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện phong tỏa, giải tỏa, chuyển quyền sở hữu số chứng khoán là tài sản bảo đảm cho khoản vay trên cơ sở đề nghị của thành viên lưu ký và ngân hàng thanh toán.

3. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán chứng khoán do sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch tự doanh được áp dụng các biện pháp hỗ trợ sau:

a) Sử dụng chứng khoán vay qua hoạt động vay và cho vay chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc vay và cho vay chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 40 Thông tư này;

b) Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký vẫn không đủ chứng khoán để thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện tách số lượng chứng khoán thiếu để xác định giao dịch lùi thời hạn thanh toán hoặc loại bỏ thanh toán theo quy định tại Điều 40h, Điều 40i Thông tư này. Giá trị của chứng khoán thiếu được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày giao dịch liền trước ngày thanh toán.

Điều 40h. Lùi thời hạn thanh toán

Việc lùi thời hạn thanh toán đối với các giao dịch thiếu chứng khoán thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện lùi thời hạn thanh toán đối với số lượng chứng khoán thiếu được xác định tại thời điểm thanh toán, ngoại trừ trường hợp quy định tại các điểm i, l khoản 1 Điều 40i Thông tư này.

2. Thời hạn lùi thanh toán tối đa là 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán.

3. Việc thanh toán giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán được thực hiện theo phương thức bù trừ chung với các giao dịch có ngày thanh toán kế tiếp.

4. Thành viên lưu ký có giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân đối ứng liên quan theo mức 5% giá trị giao dịch lùi thanh toán trên 01 ngày lùi thanh toán.

Điều 40i. Loại bỏ thanh toán giao dịch của thành viên lưu ký

1. Ngoại trừ giao dịch chứng khoán đã thực hiện sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch tự doanh, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có quyền loại bỏ thanh toán các giao dịch chứng khoán sau:

a) Giao dịch bán chứng khoán không có sẵn trên tài khoản giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký, khách hàng của thành viên lưu ký (trừ trường hợp có hướng dẫn của Bộ Tài chính);

b) Giao dịch bán chứng khoán trước thời gian Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận hoàn tất thanh toán giao dịch chứng khoán;

c) Giao dịch của thành viên lưu ký hoặc khách hàng của thành viên lưu ký được thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về việc đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên lưu ký đó;

d) Giao dịch thực hiện đối với mã chứng khoán chưa được chấp nhận bù trừ, thanh toán trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Giao dịch có số hiệu tài khoản không hợp lệ do số đăng ký thành viên lưu ký hoặc ký tự loại tài khoản giao dịch không tồn tại;

e) Giao dịch có các thông tin không hợp lệ gồm: không có mã phiên giao dịch; ngày giao dịch khác ngày hiện tại; không có số hiệu lệnh bên mua hoặc bên bán; giá, khối lượng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng không; không có xác nhận lệnh;

g) Giao dịch có tổ hợp thông tin mã thị trường, mã bảng giao dịch, mã chứng khoán, số xác nhận lệnh trùng với giao dịch đã nhận trước đó;

h) Giao dịch bị loại bỏ thanh toán theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 40d Thông tư này;

i) Giao dịch thiếu chứng khoán, trong đó số chứng khoán thiếu được xác định tại ngày thanh toán là chứng khoán đang trong thời gian tạm ngừng giao dịch để thực hiện chuyển sản giao dịch hoặc giao dịch thiếu chứng khoán mà ngày thanh toán là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dẫn tới thay đổi giá tham chiếu;

k) Giao dịch lùi thời hạn thanh toán nhưng hết thời hạn lùi thanh toán vẫn không đủ chứng khoán để thanh toán;

l) Giao dịch thiếu chứng khoán trong đó chứng khoán thiếu thuộc loại chứng khoán không được vay và cho vay theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

m) Giao dịch mua chứng khoán mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không nhận được xác nhận phong tỏa tiền từ ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 40d Thông tư này và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Đối với các trường hợp loại bỏ quy định tại các điểm a, b, c, h, i, k, l, m khoản 1 Điều này, thành viên lưu ký có giao dịch bị loại bỏ thanh toán phải bồi thường cho tổ chức, cá nhân có giao dịch đối ứng liên quan theo mức 20% giá trị giao dịch bị loại bỏ thanh toán (ngoại trừ trường hợp ngân hàng lưu ký có giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh bị loại bỏ thanh toán do công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư đặt lệnh không có đủ tiền để phong tỏa, ngân hàng thanh toán không gửi xác nhận phong tỏa theo quy định tại các khoản 4, 6 Điều 40d Thông tư này). Trường hợp là hành vi vi phạm pháp luật, thành viên lưu ký bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán các giao dịch bị loại bỏ thanh toán.

Điều 40k. Thanh toán giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức

1. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán trước thời điểm thành viên lưu ký phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của thành viên lưu ký tại ngân hàng thanh toán để thực hiện thanh toán giao dịch chứng khoán. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức được đặt lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, ngoại trừ các cổ phiếu

mà công ty chứng khoán không được nhận lệnh mua theo quy định tại khoản 9 Điều 16 Thông tư số 121/2020/TT-BTC đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán để thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Công ty chứng khoán sử dụng tiền của mình để thanh toán giao dịch mua cổ phiếu thay cho nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại công ty chứng khoán;

b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng lưu ký gửi yêu cầu cho công ty chứng khoán để công ty chứng khoán sử dụng tiền của mình chuyển về tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của ngân hàng lưu ký tại ngân hàng thanh toán để thanh toán thay cho nhà đầu tư, đồng thời thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Công ty chứng khoán, ngân hàng thanh toán có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của ngân hàng lưu ký, đảm bảo hoàn tất trước thời điểm các thành viên lưu ký phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại ngân hàng thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Việc công ty chứng khoán sử dụng tiền của mình (bao gồm cả trường hợp sử dụng tiền vay từ quỹ hỗ trợ thanh toán trong phạm vi đóng góp quỹ của công ty chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 401 Thông tư này) để thanh toán thay nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này không phải là hoạt động cho vay trong giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

4. Công ty chứng khoán phải đảm bảo đủ tiền để thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều này. Công ty chứng khoán bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp không đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Công ty chứng khoán được phong tỏa, giải tỏa hoặc yêu cầu ngân hàng lưu ký (trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký) phong tỏa, giải tỏa số lượng cổ phiếu đã nhận về từ giao dịch mua cổ phiếu thiếu tiền, tương ứng với số tiền mà công ty chứng khoán đã thanh toán thay theo quy định tại khoản 2 Điều này. Việc phong tỏa, giải tỏa chứng khoán trong trường hợp này được thực hiện trên tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thiếu tiền thanh toán giao dịch mua cổ phiếu.

6. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức có trách nhiệm xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận với công ty chứng khoán trước thời

điểm kết thúc phiên giao dịch buổi chiều của ngày công ty chứng khoán thực hiện thanh toán thay theo quy định tại khoản 2 Điều này và phải thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận với công ty chứng khoán chậm nhất tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch buổi chiều của ngày liền kề sau ngày công ty chứng khoán thực hiện thanh toán thay. Sau khi nhận được đủ số tiền thanh toán theo thỏa thuận, công ty chứng khoán thực hiện giải tỏa hoặc đề nghị ngân hàng lưu ký (trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký) giải tỏa số cổ phiếu đã phong tỏa theo quy định tại khoản 5 Điều này. Các khoản lỗ, lãi và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch này được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

7. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không xác nhận hoặc xác nhận không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với công ty chứng khoán trong thời hạn theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty chứng khoán được đề nghị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu được hạch toán trên tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mà công ty chứng khoán đã thanh toán thay về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư này ngay trong ngày công ty chứng khoán đã thanh toán thay.

8. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đã xác nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền với công ty chứng khoán nhưng hết thời hạn chuyển tiền theo quy định tại khoản 6 Điều này, nhà đầu tư không thanh toán đủ tiền cho công ty chứng khoán thì công ty chứng khoán được đề nghị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu được hạch toán trên tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mà công ty chứng khoán đã thanh toán thay, quyền phát sinh từ số cổ phiếu này (nếu có) về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư này ngay trong ngày liền kề sau ngày công ty chứng khoán thực hiện thanh toán thay.

9. Công ty chứng khoán được bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này. Các khoản lỗ, lãi và chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản này được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

10. Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm thực hiện phong tỏa, giải tỏa cổ phiếu, phối hợp với công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đặt lệnh giao dịch để hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu theo quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 Điều này.

11. Việc bù trừ, thanh toán giao dịch mua cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 40I. Sử dụng, hoàn trả số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán

1. Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán

a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chỉ được sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán để hỗ trợ thanh toán khi thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, trả lãi tiền gửi, tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ cho thành viên lưu ký và trả phí quản lý tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán cho ngân hàng thanh toán (nếu có);

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký để hỗ trợ thanh toán sau khi trừ đi các khoản sử dụng chưa hoàn trả quỹ hỗ trợ thanh toán. Trường hợp không đủ để bù đắp nghĩa vụ thanh toán và ngân hàng thanh toán không cho vay hoặc cho vay một phần số tiền còn thiếu, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác để hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp số tiền hỗ trợ thanh toán cần sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác trong một ngày thanh toán lớn hơn 50 tỷ đồng, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác để hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phong tỏa số chứng khoán trên tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, chứng khoán nhận về từ giao dịch thiếu tiền của nhà đầu tư mất khả năng thanh toán mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký đó (nếu có) để làm tài sản bảo đảm cho số tiền đã sử dụng từ khoản đóng góp của thành viên lưu ký khác. Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền phải thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin giao dịch thiếu tiền của nhà đầu tư;

d) Việc phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Hoàn trả số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán

a) Ngoài trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán để thanh toán thay cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, thành viên lưu ký có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán. Thành viên lưu ký phải trả tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ

thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Thành viên lưu ký bị thiếu tiền thanh toán giao dịch chứng khoán do điều chỉnh thông báo tổng hợp kết quả thanh toán tiền giao dịch chứng khoán phát sinh từ giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán của thành viên lưu ký khác tại ngày thanh toán có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày sử dụng quỹ và không phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán. Quá thời hạn nêu trên, thành viên lưu ký phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán, đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của thành viên lưu ký trong trường hợp thành viên lưu ký không hoàn trả tiền sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán đúng thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

d) Trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền chỉ hoàn trả được một phần hoặc hoàn trả làm nhiều lần số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phân bổ số tiền hoàn trả theo trình tự: trả lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, hoàn trả số tiền đã sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký khác, hoàn trả số tiền đã sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền;

đ) Trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền không hoàn trả đầy đủ số tiền sử dụng từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán đúng thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện các biện pháp thu hồi số tiền thành viên lưu ký đã sử dụng, lãi sử dụng và chi phí liên quan theo trình tự sau:

- Yêu cầu ngân hàng thanh toán trích số tiền nhận về từ giao dịch bán chứng khoán trên tài khoản tự doanh của thành viên lưu ký sang tài khoản của quỹ hỗ trợ thanh toán. Ngân hàng thanh toán có trách nhiệm trích, chuyển số tiền này về tài khoản quỹ hỗ trợ thanh toán theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Chuyển số chứng khoán đã phong tỏa làm tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này về tài khoản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bán trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo lệnh thị trường tại thời điểm đặt lệnh (đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, trái phiếu doanh nghiệp), lệnh bán thỏa thuận điện tử toàn thị trường theo mức giá thực hiện gần nhất (đối với công cụ nợ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Số tiền thu được từ việc bán số chứng khoán này không tính vào doanh thu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

e) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mở tài khoản của chính Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại công ty chứng khoán đáp ứng tiêu chí theo quy định tại quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để nhận, bán chứng khoán đã phong tỏa làm tài sản bảo đảm và nhận, xử lý số tiền thu được từ việc bán chứng khoán;

g) Chứng khoán tại điểm c khoản 1 Điều này được chuyển sang Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không được ghi nhận là tài sản thuộc sở hữu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trong thời gian xử lý bán chứng khoán trên tài khoản của chính Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại công ty chứng khoán, các quyền và lợi ích phát sinh do thực hiện quyền liên quan đến chứng khoán này được phân bổ theo quy định pháp luật. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được tiếp tục xử lý quyền và lợi ích phát sinh liên quan đến lợi tức, cổ tức bằng tiền đã được phân bổ (nếu có) để thu hồi số tiền sử dụng, tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán (nếu có); các quyền và lợi ích phát sinh còn lại do thực hiện quyền sau khi chuyển về tài khoản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được hoàn trả cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán tiền;

h) Số tiền thu được theo quy định tại điểm đ khoản này sau khi bù đắp chi phí phát sinh từ việc hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán được sử dụng theo trình tự: trả lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, hoàn trả quỹ hỗ trợ thanh toán số tiền thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền còn chưa hoàn trả quỹ, hoàn trả số tiền còn lại cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền (nếu có);

i) Số chứng khoán còn lại sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện bán theo quy định tại điểm đ, điểm g khoản này và quyền, lợi ích phát sinh từ số chứng khoán đã chuyển sang Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có) được chuyển trả cho thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán tiền, nhà đầu tư mất khả năng thanh toán tiền sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thu hồi đủ số tiền quy định tại điểm h khoản này.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế hướng dẫn việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.”.

11. Thay thế cụm từ “chuyển khoản chứng khoán” bằng cụm từ “chuyển khoản chứng khoán và quyền phát sinh kèm theo (nếu có)” tại khoản 2 Điều 22; thay thế cụm từ “hệ thống” bằng cụm từ “hoạt động” tại Điều 40.

12. Bãi bỏ khoản 2 Điều 16.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều, Phụ lục của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 96/2020/TT-BTC)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 25 như sau:

“8. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán tiền mua cổ phiếu cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thực hiện đặt lệnh giao dịch phải công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc thời hạn nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức phải thanh toán tiền cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 33 như sau:

“a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC.

Trường hợp công ty chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 33 như sau:

“8. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thông báo cho tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

a) Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC;

b) Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 37 như sau:

“Giá chào mua, chào bán kèm theo khối lượng tương ứng của từng loại chứng khoán:

- Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh kèm theo khối lượng đặt mua, bán dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh tương ứng với các mức giá đó trong đợt khớp lệnh định kỳ.

- Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó trong đợt khớp lệnh liên tục.”.

5. Sửa đổi Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế một số quy định tại Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2024/TT-BTC như sau:

a) Khoản 2, khoản 5 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC được thay thế bởi khoản 2 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này;

b) Khoản 3, khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC được thay thế bởi các khoản 7, 8, 9 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này.

3. Bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 68/2024/TT-BTC như sau:

a) Bãi bỏ các khoản 2, 3, 4 Điều 4, Điều 2 Thông tư số 68/2024/TT-BTC;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 68/2024/TT-BTC đối với các quy định về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và quy định về sử dụng, hoàn trả số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán đã được thay thế tại Điều 40l Thông tư số 119/2020/TT-BTC được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư này. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán chưa được quy định tại Điều 40l Thông tư này tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 68/2024/TT-BTC cho đến khi chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

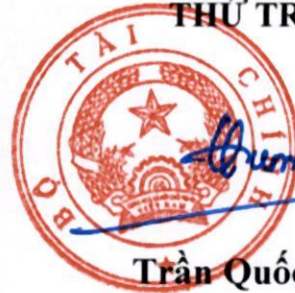
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

5. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, ngân hàng thanh toán, tổ chức mở tài khoản trực tiếp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *h*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban của Quốc hội;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (100b). *h*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Phụ lục XVII

BÁO CÁO VỀ VIỆC THANH TOÁN GIAO DỊCH MUA CỔ PHIẾU KHÔNG YÊU CẦU CÓ ĐỦ TIỀN KHI ĐẶT LỆNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LÀ TỔ CHỨC

(Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TÊN CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Về việc thanh toán giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của
nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán...;
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Công ty chứng khoán báo cáo về việc nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện thanh toán tiền cho công ty chứng khoán trong thời hạn theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 40k Thông tư số 119/2020/TT-BTC như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức:

- Tên tổ chức:
- Quốc gia:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Tài khoản giao dịch chứng khoán:
- Tài khoản lưu ký chứng khoán:

2. Ngày đặt lệnh giao dịch:

3. Thông tin chi tiết:

TT	Mã cổ phiếu	Thông tin chi tiết					
1		Tổng số lượng cổ phiếu khớp lệnh: ... (cổ phiếu)			Tổng giá trị cổ phiếu khớp lệnh: ... (triệu đồng)		
		Phần được nhà đầu tư thanh toán	Phần được công ty chứng khoán thanh toán	Phần không được thanh toán	Phần được nhà đầu tư thanh toán	Phần được công ty chứng khoán thanh toán	Phần không được thanh toán

Số liệu tại ngày giao dịch liền kề sau ngày thanh toán theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cho giao dịch được đặt lệnh tại ngày nêu tại mục 2.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
KIỂM SOÁT NỘI BỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)